

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 127/2018/QĐST-HNGĐ

Long Biên, ngày 11 tháng 4 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA
CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: **641/2017/TLST-HNGĐ** ngày 18/10/2017 v/v: *Tranh chấp ly hôn* giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Như Đ – Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số 09 ngách 670/61 N, Tổ 14 phường Đ1, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thùy D – Sinh năm: 1983

HKTT: Số 16/238 L, TP. B, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 09 ngách 670/61 N, Tổ 14 phường Đ1, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Như H – Sinh năm: 1932

2. Bà Nguyễn Thị Đ2 – Sinh năm: 1951

Cùng địa chỉ: Số 09 ngách 670/61 N, Tổ 14B phường Đ1, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a và điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày **02/4/2018**.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **02/4/2018** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn **07 (Bảy)** ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Anh Nguyễn Như Đ và chị Hoàng Thị Thùy D.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Đ và chị D thống nhất xác định anh chị có 02 (Hai) con chung là cháu Nguyễn Như Hoàng A1 – Sinh ngày: 05/9/2005 và cháu Nguyễn Xuân M1 – Sinh ngày: 23/9/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu A1 cho anh Đ, giao cháu M1 cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng, không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Anh Đ và chị D được quyền tự do đi lại, chăm sóc con chung; không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung, nhà ở và công nợ: Anh Nguyễn Như Đ, chị Hoàng Thị Thùy D, ông Nguyễn Như H và bà Nguyễn Thị Đ2 thống nhất thỏa thuận và thực hiện theo “Biên bản họp, hòa giải, thỏa thuận về tài sản” lập ngày 30/3/2018. Nội dung như sau:

+ Kể từ ngày có Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự của Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội, anh Đ

được toàn quyền quản lý và sử dụng định đoạt nhà và đất tại địa chỉ: Số 09 ngách 670/61 N, Tổ 14B phường Đ1, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ Trích đo tổ 14B, diện tích đất thực tế là 52,3 m² (Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 479/2018/ĐCTL/HSKT ngày 30/3/2018 do Công ty CP địa chính TL đo vẽ). Tài sản trên đất có một căn nhà 03 (Ba) tầng kết cấu bê tông, tổng diện tích sử dụng 159,3m². Nguồn gốc nhà đất của bà Nguyễn Thị Đ2 và ông Nguyễn Như H sử dụng ổn định từ năm 1990 đến nay, đất không có tranh chấp, đã được Ủy ban nhân dân phường Đ1 cấp chứng nhận về việc đã đăng ký QSDĐ số 654 ngày 26/12/2012.

+ Chị D giao lại toàn bộ giấy tờ gốc cho anh Đ theo Điều 3 của “Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở” ngày 26/10/2012 tại trụ sở Công ty Luật Đ3 giữa ông H, bà Đ2 và chị D. (Chị D đã thực hiện xong việc giao nhận giấy tờ).

+ Các bên thực hiện xong việc bàn giao nhà và đất tại địa chỉ: Số 09 ngách 670/61 N, Tổ 14B phường Đ1, quận Long Biên, TP. Hà Nội theo hiện trạng do Công ty CP địa chính TL đo vẽ thực tế. Anh Đ đã nhận bàn giao nhà và đất xong.

+ Anh Đ, chị D không có tranh chấp gì về tài sản nhà đất sau khi anh chị ly hôn.

+ Đối với khoản tiền 1.200.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) chị D đã chuyển cho ông H và bà Đ2 theo biên bản giao nhận tiền và bàn giao nhà đất ngày 26/10/2012 và theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở ngày 26/10/2012 tại trụ sở công ty Luật Đại Minh, chị Dương không có yêu cầu anh Đ và bố mẹ anh Đ là ông H và bà Đ2 phải hoàn trả lại cho chị.

2.3. Anh Nguyễn Như Đ được toàn quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được công nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất

đối với nhà và đất thuộc Thửa đất số 45, tờ bản đồ Trích đo tờ 14B, diện tích đất thực tế là 52,3 m² (Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 479/2018/ĐCTL/HSKT ngày 30/3/2018 do Công ty CP địa chính TL đo vẽ).

2.4. *Về án phí:* Anh Đ và chị D mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi năm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình cho chị D. Tổng cộng anh Đ phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí; nay hoàn trả lại cho anh Đ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình mà anh Đ đã nộp theo biên lai số: **06114** ngày **18/10/2017** tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP. Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu văn phòng.

Thẩm phán

Vũ Thị Thu Hằng